

Số: 23/NQ-HĐKĐCLGD

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông

## HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-KĐCLGD ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc thẩm định và công nhận kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông tại Phiên họp thứ XXII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi là Hội đồng) nghiên cứu và thẩm định Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông, thẩm định Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín tại Phiên họp thứ XXII của Hội đồng ngày 21 tháng 4 năm 2024 đã thông qua với tỉ lệ 100% (13/13/13) thành viên Hội đồng đã tán thành Nghị quyết.


### QUYẾT NGHỊ:

1. Hội đồng thẩm định và thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông. Số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4 điểm trở lên là 45 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 90,00%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).

Đoàn chuyên gia đã thực hiện đánh giá ngoài độc lập, khách quan, minh bạch và tuân thủ đúng quy trình kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào

tạo. Kết quả đánh giá chương trình đào tạo đã được cơ sở giáo dục đại học đồng thuận hoàn toàn.

2. Kiến nghị Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông cần tham khảo các kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến các tồn tại nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo (*chi tiết trong Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23 trong Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng thống nhất đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy Chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông. 

**Nơi nhận:**

- Học viện CNBCVT;
- Giám đốc TT KĐCLGD;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Phòng ĐGCLGD;
- Phòng CNCL;
- Trang TTĐT cea-avuc.edu.vn;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD  
CHỦ TỊCH**



**PGS.TS. Nguyễn Phương Nga**



## Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC,  
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

(Kèm theo Nghị quyết số: 23/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam)

| Tiêu chuẩn/Tiêu chí | Điểm theo tiêu chí | Điểm theo tiêu chuẩn |                         |                       |
|---------------------|--------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------|
|                     |                    | Mức trung bình       | Số tiêu chí đạt yêu cầu | Tỉ lệ số tiêu chí đạt |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b> |                    | <b>4,00</b>          | <b>3</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 1.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 1.2        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 1.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b> |                    | <b>4,00</b>          | <b>3</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 2.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 2.2        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 2.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b> |                    | <b>3,67</b>          | <b>2</b>                | <b>66,67%</b>         |
| Tiêu chí 3.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 3.2        | 3                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 3.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b> |                    | <b>4,33</b>          | <b>3</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 4.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 4.2        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 4.3        | 5                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b> |                    | <b>3,80</b>          | <b>4</b>                | <b>80,00%</b>         |
| Tiêu chí 5.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 5.2        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 5.3        | 3                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 5.4        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 5.5        | 4                  |                      |                         |                       |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b> |                    | <b>4,14</b>          | <b>7</b>                | <b>100,00%</b>        |
| Tiêu chí 6.1        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.2        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.3        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.4        | 5                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.5        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.6        | 4                  |                      |                         |                       |
| Tiêu chí 6.7        | 4                  |                      |                         |                       |

|                            |             |             |           |                |
|----------------------------|-------------|-------------|-----------|----------------|
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>        |             | <b>4,20</b> | <b>5</b>  | <b>100,00%</b> |
| Tiêu chí 7.1               | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 7.2               | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 7.3               | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 7.4               | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 7.5               | 5           |             |           |                |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>        |             | <b>4,00</b> | <b>4</b>  | <b>80,00%</b>  |
| Tiêu chí 8.1               | 5           |             |           |                |
| Tiêu chí 8.2               | 3           |             |           |                |
| Tiêu chí 8.3               | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 8.4               | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 8.5               | 4           |             |           |                |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>        |             | <b>3,80</b> | <b>4</b>  | <b>80,00%</b>  |
| Tiêu chí 9.1               | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 9.2               | 3           |             |           |                |
| Tiêu chí 9.3               | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 9.4               | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 9.5               | 4           |             |           |                |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>       |             | <b>4,00</b> | <b>5</b>  | <b>83,33%</b>  |
| Tiêu chí 10.1              | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 10.2              | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 10.3              | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 10.4              | 5           |             |           |                |
| Tiêu chí 10.5              | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 10.6              | 3           |             |           |                |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>       |             | <b>4,20</b> | <b>5</b>  | <b>100,00%</b> |
| Tiêu chí 11.1              | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 11.2              | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 11.3              | 5           |             |           |                |
| Tiêu chí 11.4              | 4           |             |           |                |
| Tiêu chí 11.5              | 4           |             |           |                |
| <b>Điểm đánh giá chung</b> | <b>4,02</b> | <b>4,01</b> | <b>45</b> | <b>90,00%</b>  |

## Phụ lục II

**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

(Kèm theo Nghị quyết số: 23/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam)

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, được thành lập theo Quyết định số 516/TTg ngày 11 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ, là tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà nước được thí điểm đặt trực thuộc doanh nghiệp mạnh của Nhà nước là Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Học viện được thành lập trên cơ sở sắp xếp lại 4 đơn vị, gồm Viện Khoa học kỹ thuật Bưu điện, Viện Kinh tế Bưu điện, Trung tâm Đào tạo bưu chính viễn thông I và Trung tâm Đào tạo bưu chính viễn thông II. Tháng 7 năm 2014, Học viện trở thành đơn vị trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

Năm 2016, Khoa Đa phương tiện được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-HV ngày 15/3/2016 và được giao nhiệm vụ đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện.

***Kết quả kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023 đã chỉ ra những điểm mạnh nổi bật và những điểm cần khắc phục theo kiến nghị của Hội đồng:***

### **I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo đã làm rõ được yêu cầu của thị trường lao động, phù hợp với Sứ mệnh, Tầm nhìn và Triết lý giáo dục của Học viện, đồng thời cũng đáp ứng các yêu cầu trong mục tiêu của giáo dục đại học được quy định trong Luật Giáo dục đại học.

2. Chương trình đào tạo/bản mô tả chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện được phê duyệt năm 2023 có đủ các thông tin theo quy định. Bản mô tả chương trình đào tạo đã cập nhật được những vấn đề mới của lĩnh vực Truyền thông đa phương tiện trong quá trình rà soát, điều chỉnh định kỳ.

3. Dựa vào các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, Khoa Đa phương tiện đã thiết kế nội dung và cấu trúc của chương trình dạy học với các học phần tương ứng trên cơ sở phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện. Khoa đã xác định tổ hợp các phương pháp dạy, học và phương pháp kiểm tra đánh giá người học phù hợp với tính chất, nội dung, yêu cầu của các học phần cụ thể.

4. Học viện đã có văn bản tuyên bố chính thức về Triết lý giáo dục là "Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm". Trên cơ sở Triết lý, mục tiêu giáo dục của Học viện, Khoa đã phát triển chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện theo định hướng ứng dụng, phù hợp với quan điểm lấy người học làm trung tâm.

5. Các phương pháp, công cụ sử dụng trong kiểm tra đánh giá học phần giúp đánh giá được mức độ đạt chuẩn đầu ra.

6. Học viện đã tổ chức đánh giá năng lực của giảng viên theo khối lượng công việc đã hoàn thành và các tiêu chí đã xác định.

7. Giai đoạn 2019-2023, Học viện đã tổ chức 83 khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, với 1240 lượt người tham gia.

8. Học viện đã triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm giúp người học cải thiện việc học tập ngay từ khi nhập học.

9. Hệ thống công nghệ thông tin của Học viện đáp ứng yêu cầu của việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

10. Các công trình nghiên cứu khoa học và sản phẩm khoa học công nghệ của giảng viên trong Khoa/Bộ môn đã được sử dụng phục vụ hiệu quả cho việc nâng cao chất lượng các bài giảng trong các học phần của chương trình dạy học, góp phần tích cực trong đổi mới phương pháp dạy và học.

11. Hằng năm Học viện đã tổ chức thu thập, đối sánh thông tin về tình hình việc làm và thu nhập của người học tốt nghiệp; tỉ lệ người học tốt nghiệp chương trình đào tạo có việc làm ở mức khá cao.

## **II. HỘI ĐỒNG KIẾN NGHỊ:**

1. Học viện/Khoa cần rà soát để thiết kế và biểu đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Truyền thông đa phương tiện để sao cho các chuẩn đầu ra được mô tả với động từ phù hợp nhất và thể hiện đầy đủ, rõ nét kỹ năng chuyển đổi số, kỹ năng nghề nghiệp của ngành Truyền thông đa phương tiện.

2. Học viện/Khoa cần sớm dịch Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện sang tiếng Anh để thuận lợi trong trao đổi với đối tác nước ngoài, nhằm tăng cường hợp tác trong đào tạo, tăng cường tính hội nhập của chương trình đào tạo.

3. Học viện/Khoa cần rà soát lại ma trận chuẩn đầu ra thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và có những điều chỉnh phù hợp để đảm bảo tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều có sự đóng góp vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Học viện nên quan tâm hơn nữa đến việc sử dụng hiệu quả ý kiến của nhà tuyển dụng về việc tăng cường hơn nữa thời lượng cho hoạt động thực hành thực tế, trải nghiệm tại các doanh nghiệp; tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học.

5. Học viện cần sử dụng các công nghệ hiện đại để định lượng đánh giá độ giá trị, độ tin cậy của các đề thi kết thúc học phần để dần tạo lập được các câu hỏi thi/đề thi

chuẩn hóa của một ngân hàng câu hỏi thi, đo lường được chính xác mức độ sinh viên đạt chuẩn đầu ra.

6. Học viện cần có những thay đổi/điều chỉnh lại chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể hấp dẫn đối với những nhân sự tốt nghiệp tiến sĩ ở nước ngoài về làm giảng viên tại Học viện.

7. Học viện nên chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành Truyền thông đa phương tiện, khi quy hoạch đội ngũ nhân viên của các Khoa, các phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ chuyên viên, nhân viên, kỹ thuật viên toàn Học viện.

8. Học viện/Khoa cần xây dựng tiêu chí xét tuyển phù hợp để tuyển đúng và tuyển đủ theo chỉ tiêu đã được xác định trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Học viện nhằm đáp ứng được điều kiện đảm bảo chất lượng và yêu cầu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

9. Học viện cần sớm thay thế các bài giảng trong đề chương chi tiết học phần chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện bằng các giáo trình chính thống phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của người học theo quy định của Thông tư 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học.

10. Học viện/Khoa nên quan tâm và có định hướng để các giảng viên tham gia giảng dạy các học phần, đặc biệt là các học phần có liên quan nhiều đến thực tế nên đưa các “nghiên cứu trường hợp” vào các giờ giảng nhiều hơn nữa để sinh viên có thêm cơ hội được tiếp cận với kiến thức thực tế sớm hơn.

11. Học viện và Khoa cần nghiên cứu để có thể đưa ra các giải pháp về cơ chế và những chính sách, quy định phù hợp hơn với các nhóm đối tượng sinh viên và đặc biệt là sát với các đặc thù của từng ngành nghề đào tạo để tạo động lực và khuấy động được tính ham học hỏi, khám phá tìm tòi và sáng tạo để sinh viên chủ động đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học sát thực tiễn và phù hợp với sự đam mê chuyên môn ngành nghề.

Trên đây là các nhóm giải pháp thuộc kiến nghị của Hội đồng, Học viện cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng các giải pháp triển khai thực hiện và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học của Học viện. Vào giữa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Học viện cần gửi báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam theo quy định. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận Chương trình đạt tiêu chuẩn chất lượng./.



-----